

Bản án số: 33/2025/HS-ST
Ngày 20-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN A - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Thao

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Hà

Ông Đỗ Thế Anh

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Anh Thư - Thư ký Toà án nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Dương Văn D, sinh ngày 04 tháng 9 năm 1986, tại H; Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường A, quận A, thành phố H; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Dương Văn K và bà Mai Thị Q; có vợ là Hoàng Thị L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/10/2024; có mặt.

2. Tuấn Hữu L, sinh ngày 05 tháng 02 năm 1986, tại H; Nơi đăng ký thường trú: Tổ V, phường B, quận K, thành phố H; chỗ ở: Thôn H, xã Q, huyện A, thành phố H; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Tuấn Nguyên L và bà Bùi Thị M; có vợ là Văn Thị Thanh D và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/10/2024; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Tuấn Hữu L: Bà Lương Thị Thuý - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị hại*: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố K, phường A, quận A, thành phố H; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Công ty TNHH D; địa chỉ: Lô E, khu CN7, khu công nghiệp T, phường H, quận A, thành phố H; vắng mặt (có đơn đề nghị xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH D (Công ty D), có trụ sở tại lô E, khu CN7, khu công nghiệp T, xã H, huyện A, thành phố H với hoạt động sản xuất sản phẩm điện dân dụng (máy giặt). Ngày 01/07/2019 Công ty D ký hợp đồng lao động với Dương Văn D, đến tháng 01/2023 D được giao làm Tổ phó bộ phận đột dập thuộc xưởng sản xuất số 2, nhiệm vụ là quản lý, vận hành máy móc, thiết bị, sửa hàng lỗi sản phẩm... Khoảng 20 giờ ngày 23/5/2024, tổ sản xuất do D phụ trách gồm có D và 04 công nhân trong đó có Tuấn Hữu L (công nhân kiểm hàng và vệ sinh máy đột dập). Dây chuyền sản xuất làm việc đến khoảng 22 giờ, tại đoạn giữa dây chuyền kiểm hàng có D, L và anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987, trú tại thôn K, xã Q, huyện A là công nhân thuộc bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm đứng máy. Qua kiểm tra, anh Đ phát hiện sản phẩm bị lỗi mép uốn nên hô lỗi, yêu cầu dừng sản xuất. Sau đó anh Đ nói với D, sản phẩm bị lỗi mép uốn chỉ cần dán băng dính vào góc 9 giờ của khuôn trong máy đột dập số 6 là xong. Do trước đó, anh Đ đã nhiều lần giúp bộ phận đột dập khắc phục lỗi mép uốn nên D hiểu anh Đ sẽ trực tiếp khắc phục lỗi giúp. Tiếp đó, anh Đ đi vào máy đột dập số 6 để khắc phục lỗi mép uốn còn D đi về phía đầu dây chuyền đột dập đợi tín hiệu để vận hành dây chuyền. Anh Đ đứng ở máy đột dập số 6, tắt chế độ dập trong bảng điều khiển của máy nên đèn báo hoạt động của máy chuyển từ xanh sang vàng. Anh Đ thấy khuôn của máy đột dập số 6 phải điều chỉnh độ cao nên gọi L đến hỗ trợ. L trèo lên xe thay khuôn trước máy đột dập số 6 chỉnh chế độ dập trong bảng điều khiển của máy theo ý của anh Đ rồi tự ý xoay núm chế độ dập của máy đột dập số 6 từ vạch “INCHING” sang vạch “S.1CYCLE” (làm đèn báo tình trạng hoạt động của máy chuyển từ đèn vàng sang đèn xanh) và xuống khỏi xe thay khuôn đi về phía giữa xưởng. Lúc này anh Đ không biết máy đã chuyển sang chế độ sẵn sàng nên vẫn đang đưa hai tay vào trong máy đột dập số 6 để dán băng dính trong khuôn dưới. Sau khi thấy L rời đi và đèn báo tình trạng hoạt động của máy chuyển sang đèn xanh, D không đi kiểm tra xem có người ở trong các máy đột dập hay không mà đã bấm nút “START” tại bảng điều khiển trung tâm cho dây chuyền đột dập tiếp tục hoạt động thì các máy đột dập trong dây chuyền dập từ trên xuống dưới (trước đó D không kiểm tra tình trạng nút cảm biến an toàn trên các máy đột dập, nên không biết các nút này đã được chuyển sang trạng thái tắt, dẫn đến khi D bấm nút “START” thì máy vẫn dập xuống được kể cả có người đang thao tác

trong máy). Anh Đ đang thao tác không rút tay ra kịp đã bị khuôn trên của máy dập trúng hai bắp tay, khi khuôn nhấc lên thì anh Đ mới rút tay ra được và được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện Việt Tiệp.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Hiện trường xảy vụ việc tại dây chuyền đột dập thuộc bộ phận đột dập, trong xưởng sản xuất của Công ty TNHH D đã được lau dọn sau khi xảy ra tai nạn. Dây chuyền đột dập trong xưởng sản xuất bố trí 08 máy đột dập và 01 dây chuyền kiểm hàng. Khu vực đầu dây chuyền đặt 01 bảng điều khiển trung tâm điều khiển hoạt động chung của cả dây chuyền. Tại mỗi máy đột dập có một bảng điều khiển chính, một tay điều khiển nâng hạ khuôn (nâng hạ Slide). Vị trí xảy ra tai nạn tại máy đột dập số 6 dài 3,6^m, rộng 2,4^m. Máy kết cấu gồm phần khung kim loại, bộ đỡ khuôn dưới, bộ phận bắt khuôn trên và đột dập, hệ thống điện, hệ thống hơi, bảng điều khiển, tay điều khiển nâng hạ khuôn, đèn báo tình trạng kỹ thuật, bậc đứng cạnh máy. Bảng điều khiển chính gồm các đèn báo, cần (khóa) xoay, núm xoay, nút ấn, nút gạt. Đèn báo tình trạng kỹ thuật gắn phía trên bảng điều khiển chính, gồm 3 đèn: Xanh, đỏ và vàng. Trong đó, đèn xanh báo tình trạng sẵn sàng hoạt động, đèn vàng và đèn đỏ là các đèn báo sự cố, trạng thái không sẵn sàng hoạt động. Tại thời điểm khám nghiệm trường không phát hiện dấu vết máu hay dấu vết, đồ vật gì khác liên quan đến vụ tai nạn.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 564/2024/TPYHP ngày 05/8/2024 của Trung tâm Pháp y thành phố Hải Phòng, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Văn Đ tại thời điểm giám định là: 86% ... Các thương tích trên có đặc điểm do vật tày có góc cạnh cứng tác động đè ép trực tiếp gây nên.

Kết luận giám định số 3052/KL-KTHS ngày 11/10/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng, kết luận: 02 tập tin video có phần mở rộng “MP4” tổng dung lượng 200MB được lưu trong 01 USB nhãn hiệu KingSton 1GB đã qua sử dụng không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh; 01 tập tin video có phần mở rộng “MP4” dung lượng 48,4MB được lưu trong 01 USB nhãn hiệu TRANYOO 32GB đã qua sử dụng không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH D đã hỗ trợ 750.000.000 đồng, Dương Văn D đã bồi thường 45.000.000 đồng, Tuấn Hữu L đã bồi thường 30.000.000 đồng cho anh Nguyễn Văn Đ. Anh Đ không còn yêu cầu gì và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị can. Công ty D không yêu cầu các công nhân vi phạm nội quy bồi thường thiệt hại.

Vật chứng: 02 USB chứa dữ liệu camera tại hiện trường kèm theo hồ sơ.

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKS-AD ngày 10/01/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Dương Văn D và Tuấn Hữu L

về tội Vi phạm quy định về an toàn lao động, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 295 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Dương Văn D và Tuấn Hữu L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên và nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt các bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm. Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH D đã hỗ trợ 750.000.000 đồng cho bị hại, bị cáo Dương Văn D đã bồi thường 45.000.000 đồng và bị cáo Tuấn Hữu L đã bồi thường 30.000.000 đồng cho bị hại anh Nguyễn Văn Đ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung cáo trạng, khẳng định cáo trạng truy tố các bị cáo Dương Văn D và Tuấn Hữu L theo tội danh và điều khoản đã nêu là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 295; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Dương Văn D mức án từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”.

Bị cáo Tuấn Hữu L mức án từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”.

- Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH D đã hỗ trợ 750.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Văn Đ; bị cáo Dương Văn D đã bồi thường 45.000.000 đồng và bị cáo Tuấn Hữu L đã bồi thường 30.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Văn Đ. Bị hại Nguyễn Văn Đ không còn yêu cầu gì và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Công ty D không yêu cầu các bị cáo D, L bồi thường thiệt hại nên không đề nghị xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bị cáo Dương Văn D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; bị cáo Tuấn Hữu L thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Tuấn Hữu L, bà Lương Thị Thuý có quan điểm: Nhất trí với tội danh, điều luật truy tố và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét về hành vi phạm tội là do lỗi vô ý của bị cáo L, đồng thời bị cáo L thuộc hộ nghèo, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, xử phạt bị cáo L mức

án thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Trong hồ sơ vụ án thể hiện bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai đầy đủ nên việc bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo Dương Văn D và Tuấn Hữu L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên và Cáo trạng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với Kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ căn cứ kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 23/5/2024 tại Công ty TNHH D, trong khu công nghiệp Tràng Duệ, xã Hồng Phong, huyện A (nay là phường Hồng Phong, quận A), Dương Văn D được giao nhiệm vụ quản lý và trực tiếp vận hành hệ thống đột dập đã không kiểm tra tình trạng nút cảm biến an toàn trước khi làm việc và để cho những người không có chức năng, nhiệm vụ là anh Nguyễn Văn Đ và Tuấn Hữu L thao tác trực tiếp với máy đột dập. Tuấn Hữu L là công nhân vệ sinh không được phép vận hành máy đột dập nhưng tự ý thao tác với bảng điều khiển của máy, chuyển sang chế độ sẵn sàng hoạt động trong khi anh Nguyễn Văn Đ vẫn đang khắc phục lỗi trong máy đột dập. Dương Văn D khi thấy máy ở chế độ sẵn sàng hoạt động không kiểm tra mà đã khởi động hệ thống làm anh Nguyễn Văn Đ tổn hại 86% cơ thể. Hành vi của các bị cáo Dương Văn D và Tuấn Hữu L không chấp hành đúng quy trình làm việc theo nhiệm vụ được phân công và nội quy về an toàn vệ sinh lao động của Công ty TNHH D, vi phạm khoản 1, 2 Điều 17 Luật An toàn, vệ sinh lao động và Điều 2, Điều 6 Nội quy của Công ty. Điều 17 Luật An toàn, vệ sinh lao động, quy định: “ *Trách nhiệm của người lao*

động trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc: (1). Chấp hành quy định, nội quy, quy trình, yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động của người sử dụng lao động hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành liên quan đến công việc, nhiệm vụ được giao; (2). Tuân thủ pháp luật và nắm vững kiến thức, kỹ năng về các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc; sử dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang cấp, các thiết bị an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc trong quá trình thực hiện các công việc, nhiệm vụ được giao”. Là do lỗi vô ý của các bị cáo; tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đủ năng lực phải trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, hành vi của các bị cáo Dương Văn D và Tuấn Hữu L phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 295 của Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát nhân dân quận A truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

[4.1] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về an toàn lao động, hậu quả anh Nguyễn Văn Đ tổn hại 86% cơ thể, nên cần phải xử lý trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; bị cáo D có thời gian tham gia quân đội và có ông nội được tặng thưởng huân chương kháng chiến nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về hình phạt: Xét thấy, các bị cáo Dương Văn D và Tuấn Hữu L có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bản thân các bị cáo có khả năng tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó, các bị cáo Dương Văn D và Tuấn Hữu L có đủ điều kiện được áp dụng hình phạt phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ để giáo dục và cải tạo bị cáo như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[4.4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 295 Bộ luật Hình sự, hành vi phạm tội của các bị cáo có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy, tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện các bị cáo D, L có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về khấu trừ thu nhập: Xét thấy, các bị cáo D, L, có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH D đã hỗ trợ 750.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Văn Đ; bị cáo Dương Văn D đã bồi thường 45.000.000 đồng và bị cáo Tuấn Hữu L đã bồi thường 30.000.000 đồng cho bị hại anh Nguyễn Văn Đ. Bị hại Nguyễn Văn Đ không còn yêu cầu gì thêm; Công ty D không yêu cầu các bị cáo Dương Văn D và Tuấn Hữu L bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo Tuấn Hữu L thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Dương Văn D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Dương Văn D và Tuấn Hữu L phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 295; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

- Bị cáo Dương Văn D 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”.

Giao bị cáo Dương Văn D cho Ủy ban nhân dân phường A, quận A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an quận A, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án.

- Bị cáo Tuấn Hữu L 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”.

Giao bị cáo Tuấn Hữu L cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện A, thành phố H nhận được quyết định thi hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Dương Văn D và Tuấn Hữu L.

Giải quyết việc vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2019.

“1. Người chấp hành án có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người chấp hành án khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc trong quân đội thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

4. Người chấp hành án không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án.”

- Về hủy bỏ biện pháp ngăn chặn: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Dương Văn D và Tuấn Hữu L.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Dương Văn D phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Tuấn Hữu L được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Dương Văn D và Tuấn Hữu L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận A;
- Công an quận A;
- Phòng PV 06; Phòng PC 10 CATP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận A;
- Bị cáo; bị hại;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thao

